TÒA ÁN ND HUYỆN H **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/HS-ST
Ngày 30 tháng 5 năm 2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hoan;

Các Hội thẩm nhân:

1 - Ông Nguyễn Xuân Hoàng;

2 – Ông Nguyễn Văn Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thanh Thuần – Thư ký Tòa án ND huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang;

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2018/TLST- HS ngày 20 tháng 4 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2018 đối với:

– Bị cáo: **Nguyễn Đức N** (Tên gọi khác: Không có) – Sinh năm 1977, tại: Xã N V, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

Nơi ĐKHKTT: Thôn L T, xã N V, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ Ng, xã N S, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N; Con ông Nguyễn Đạo N và bà Dương Thị H; Vợ: Nguyễn Thị L (Đã ly hôn) hiện đang chung sống cùng chị Đỗ Thị M; Con: 02 con, nhỏ nhất sinh năm 2005.

Tiền án, tiền sự: Không có;

Nhân thân: Ngày 11/3/2010, Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Bắc Giang có Quyết định số 841/QĐ-UBND về việc đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc với người nghiện ma túy đối N, thời gian chữa bệnh 12 tháng. Ngày 11/3/2011 N chấp hành xong thời gian chữa bệnh, giáo dục, lao động tại Trung tâm Giáo dục, Lao động xã hội tỉnh Bắc Giang.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ 08 giờ 45 phút ngày 04/01/2018 đến 16 giờ 20 phút ngày 12/01/2018, Hiện đang tại ngoại(Có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh **Nguyễn Văn Đ** - sinh năm 1971 (Vắng mặt) ;

Địa chỉ: Thôn T L, xã H L, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

- Chị **Đỗ Thị M** - Sinh năm 1970 (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn Đ Ng, xã N S, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Văn T - sinh năm 1960 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn T L, xã H L, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau về hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Đức N đã thực hiện:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 04/01/2018, N đang ở nhà chị Đỗ Thị M thì có Nguyễn Văn Đ – sinh năm 1971 và Nguyễn Văn T - sinh năm 1960; Đều ở thôn T L, xã H L, huyện H đi xe máy đến nhà. Tại nhà chị M, Đ đã hỏi mua ma túy của N với giá 200.000 đồng. N đồng ý nhận tiền của Đ đưa để mua ma túy , N lấy gói ma túy dấu trên nóc tủ quần áo, N lấy ra một ít ma túy rồi gói vào tờ giấy có mặt ngoài màu vàng, mặt trong màu trắng đưa cho Đ. Khi Đ vừa cầm ma túy thì bị Công an huyện H bắt quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng là gói ma túy và số tiền N vừa bán ma túy là 200.000đồng; Thu 01 chiếc điện thoại di động Nokia của N (Số ma túy đã niêm phong tại chỗ trong phong bì ký hiệu "QT").

Sau đó, Cơ quan điều tra đã khám xét khẩn cấp nơi ở của N tại nhà chị Đỗ Thị M thuộc thôn Đ Ng, xã N S, huyện H, kết quả: Thu giữ tại trên nóc tủ quần áo 01 (một) gói giấy bạc mặt ngoài màu trắng bạc, mặt trong màu trắng bên trong chứa chất cục bột màu trắng, nghi là ma túy hêrôin (Niêm phong ký hiệu "KX"); 01 (một) chiếc cân tiểu ly tại góc buồng ngủ; Số tiền 82.000.000 đồng trong két sắt trong phòng ngủ; 02 (hai) khẩu súng tự chế (dạng súng cồn);

Tại kết luận giám định số 19/KL-PC54 ngày 05/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang, kết luận: Trong 01 (một) phong bì có ký hiệu "QT" đã được niêm phong gửi giám định: Chất cục bột màu trắng đựng trong 01 (một) gói giấy mặt ngoài màu vàng, mặt trong màu trắng là chất ma túy **Heroine**, có khối lượng: **0,024 gam;** Trong 01 (một) phong bì có ký hiệu "KX" đã được niêm phong gửi giám định: Chất cục bột màu trắng đựng trong 01 (một) gói giấy bạc mặt ngoài màu trắng bạc, mặt trong màu trắng là chất ma túy **Heroine**, có khối lượng: **0,710 gam.**

Tại kết luận giám định số 132/KL-PC54 ngày 20/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang, kết luận: **02 (hai) khẩu súng** gửi giám định là súng tự chế, không phải súng quân dụng; Khi sử dụng có khả năng gây sát thương (chết hoặc bị thương);

Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản ghi lời khai, các bản tự khai, biên bản hỏi cung và tại phiên tòa, bị cáo N khai nhận: Khoảng 08 giờ ngày 04/01/2018, khi bị cáo đang ở nhà tại thôn Đ Ng, xã N S, huyện H thì có 02 người đàn ông ở xã H L, huyện H đi xe mô tô vào nhà N (Sau khi bị bắt N biết tên là Đ và T). Đ và T đi bộ vào trong buồng mà N ngủ, Đ hỏi N bán cho một ít ma túy với giá 200.000đồng, N đồng ý nhận tiền của Đ và cất vào túi quần, sau đó N lấy ít ma túy ở gói để trên đỉnh tủ quần áo ở buồng đựng đồ đạc, N gói ma túy vào tờ giấy màu vàng đưa cho Đ, số còn lại N cất vào chỗ cũ. Sau khi nhận gói ma túy của N, Đ đi ra bàn uống nước thì bị Công an huyện H ập vào bắt quả tang. Thu giữ số ma túy N vừa bán cho Đ và số tiền 200.000đồng cùng 01 chiếc điện thoại di động Nakia 1280 màu sám của N. Sau đó cơ quan Công an huyện H khám xét nơi ở của N và thu những vật chứng như ở trên.

Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn T đều khai nhận như N đã khai. Đ mua ma túy để sử dụng, T là người điều khiển xe mô tô đưa Đ đến nhà N và cùng vào nhà N với Đ, khi mua bán ma túy chị Đỗ Thị M không có ở nhà.

Chị Đỗ Thị M khai nhận: Chị và Nguyễn Đức N quen biết nhau hơn 10 năm và chung sống với nhau như vợ chồng tại thôn Đ Ng và có với nhau 01 con chung, thời gian gần đây bố đẻ của N nằm viện, nên Chị đi lại chăm sóc và thường xuyên vắng nhà không biết N bán ma túy. Số ma túy, cân tiểu ly và 02 khẩu súng cồn tự chế Chị không biết N có từ khi nào. Số tiền 82.000.000đồng (Tám mươi hai triệu đồng) là số tiền mọi người mừng đám cưới con gái vào ngày 30 và 31/12/2017 mà có. Số tiền này Chị đã được Cơ quan Công an trả lại đầy đủ, Chị không có ý kiến gì về số vật chứng thu giữa của N.

Về nguồn gốc số ma túy, Nguyễn Đức N khai nhận: N mua của một người đàn ông tên Ng ở khu vực xã T K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Ngày 02/01/2018, Ng có xuống nhà N và bán cho N 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tiền ma túy Heroin. N mua ma túy mục đích để bán lại kiếm lời. Cơ quan điều tra đã xác minh, nhưng không xác định được đối tượng tên là Ng đã bán ma tuý cho N như N khai. Do vậy không đủ căn cứ để xử lý đối với đối tượng đã bán ma tuý cho N.

Đối với hành vi tàng trữ 02 (hai) khẩu súng tự chế của Nguyễn Đức N, ngày 29/3/2018 Trưởng Công an huyện H đã ra quyết định xử phạt hành chính số 34 đối với N về hành vi này.

Đối với Nguyễn Văn Đ có hành vi mua ma tuý của N để sử dụng, nhưng số ma tuý có trọng lượng nhỏ. Bản thân Đ chưa có tiền án, tiền sự về tội tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma tuý, nên ngày 06/01/2018 Trưởng Công an huyện H ra quyết định xử phạt hành chính đối với Nguyễn Văn Đ là có căn cứ.

Đối với số tiền 82.000.000 đồng thu giữ tại nơi ở của N, là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của chị Đỗ Thị M. Ngày 09/02/2018, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng số 20 trả lại chị Mai số tiền trên. Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xám đã qua sử dụng là của N có sử dụng vào việc liên lạc với Ng để mua ma túy và các vật chứng khác hiện Cơ quan điều tra đang tạm giữ.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay: Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng trong vụ án đều không có ý kiến gì đối với kết luận định giám định ở trên. Bị cáo N thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Văn Đ vào sáng ngày 04/01/2018.

Bản cáo trạng số 37/CT -VSK - HH ngày 19/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang. Đã truy tố Nguyễn Đức N ra tr- ớc Toà án nhân dân huyện H, để xét xử về tội " Mua bán trái phép chất ma túy" theo Khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức N phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy";

Áp dụng Khoản 1, Khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức N từ 30 tháng đến 36 tháng tù, trừ cho bị cáo ngày bị tạm giữ (Từ ngày 04/01/2018 đến ngày 12/01/2018). Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo N từ 5.000.000đồng đến 6.000.000 đồng để sung công quy Nhà nước.

Về vật chứng điểm a Khoản 1 Điều 46, Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 02 phong bì thư dựng vật chứng đã niêm phong có ký hiệu "QT" và "KX" có dấu giáp lai của Công an xã Ngọc Sơn và dấu của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang, bên trong có chất ma túy Heroin; 02 khẩu súng tự chế có chiều dài 84 cm và 120cm.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di đồng Nokia màu xám đã qua sử dụng. Số tiền 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) bị tạm giữ; 01 cân tiểu ly đang bị tạm giữ , tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/4/2018.

Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Bị cáo N phải chịu án phí theo quy định.

Bị cáo có lời nói sau cùng: Bị cáo N có ý kiến, do điều kiện hoàn cảnh khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử, xử bị cáo ở mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1- Về tố tụng: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn Đ; Người làm chứng anh Nguyễn Văn T đã đ- ợc Tòa án triệu tập, đều vắng mặt tại

phiên tòa, nh- ng tr- ớc đó đã có lời khai tại Cơ quan điều tra. Đối chiếu với Điều 292; Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử vẫn Quyết định tiếp tục phiên toà.

2 - Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện H, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng. Quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tuy nhiên việc ra quyết định về việc bảo lĩnh của Cơ quan điều tra Công an huyện H và quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn (Thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp bảo lĩnh), của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đối với bị cáo Nguyễn Đức N không tuân thủ đúng quy định tại Khoản 1 Điều 121 của Bộ luật tố tụng hình sự về Bảo lĩnh. Tại Khoản 1 Điều 121 Bộ luật tố tụng hình sự quy định "*Bảo lĩnh là biện pháp ngăn chặn thay thế tạm giam. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi và nhân thân của bị can, bị cáo, Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định cho họ được bảo lĩnh*". Do bị cáo Nguyễn Đức N khi được thay thế biện pháp ngăn chặn, bằng biện pháp bảo lĩnh đang bị tạm giữ, bị cáo thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy có tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, nhân thân của bị cáo trước khi phạm tội là người nghiện ma túy và bị áp dụng đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc. Vì vậy việc áp dụng cho bị cáo N được tại ngoại bằng biệp pháp Bảo lĩnh là không đúng với quy định tại Điều 109, 121 Bộ luật tố tụng hình sự. Do vậy cần nghiêm khắc rút kinh nghiệm trong việc cho bảo lĩnh đối với các vụ án khác. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự thì Hội đồng xét xử không thể ra quyết định tạm giam đối với bị cáo N sau khi tuyên án được.

3 - Tại phiên tòa bị cáo N khai nhận: Vì mục đích lợi nhuận, ngày 02/01/2018 bị cáo đã mua ma túy của đối tượng có tên là Ngát ở khu vực xã T K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên về để bán kiếm lời. Sau khi mua được số ma túy của Ng, bị cáo đã cất dấu ở nhà để bán cho các đối tượng khác. Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 04/01/2018, khi Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn T đến nơi bị cáo đang sinh sống ở thôn Đ Ng, xã N S, huyện H, Nguyễn Văn Đ hỏi mua ma túy với giá 200.000đồng, thì bị cáo N đã đồng ý bán cho Đ ngay, N đã lấy một ít ma túy trong gói ma túy mua của Ng trước đó để bán cho Đ, bị cáo gói số ma túy bán cho Đ vào tờ giấy có mặt ngoài màu vàng, mặt trong màu trắng. Sau khi thực hiện xong hành vi mua bán ma túy với Đ, thì Bị cáo và Đ bị Cơ quan Công an huyện H ập vào bắt quả tang, Cơ quan Công an đã thu giữ vật chứng cùng số tiền mà bị cáo N vừa bán ma túy cho Đ, Cơ quan Công an cũng tiến hành khám xét nơi ở của N và thu giữ 01 gói ma túy được gói trong tờ giấy bạc màu trắng, mặt trong màu trắng. Số ma túy bị thu giữ Cơ quan Công an huyện H đã niêm phong theo quy định và gửi đi giám định có sự chứng kiến của Bị cáo N và đối tượng Đ.

Tại kết luận giám định số 19/KL-PC54 ngày 05/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang, kết luận: Trong 01 (một) phong bì có ký hiệu

"QT" đã được niêm phong gửi giám định: Chất cục bột màu trắng đựng trong 01 (một) gói giấy mặt ngoài màu vàng, mặt trong màu trắng là chất ma túy **Heroine**, có khối lượng: **0,024 gam;** Trong 01 (một) phong bì có ký hiệu "KX" đã được niêm phong gửi giám định: Chất cục bột màu trắng đựng trong 01 (một) gói giấy bạc mặt ngoài màu trắng bạc, mặt trong màu trắng là chất ma túy **Heroine**, có khối lượng: **0,710 gam.**

Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Nguyễn Đức N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng số 37/CT-VKS - HH ngày 19/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã nêu. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với vật chứng bị thu giữ, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng có trong hồ sơ vụ án.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo N đã có đủ năng lực hành vi dân sự, đủ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, với mục đích thu lời bất chính để lấy tiền chi tiêu. Số ma túy mà bị cáo bán cho Nguyễn Văn Đ là Heroin, có khối lượng là 0,024 gam, số ma túy Heroin thu của bị cáo tại nơi ở có khối lượng 0,710 gam, mà bị cáo cất dấu để mua bán.

Từ những căn cứ ở trên, Hội đồng xét xử kết luận: Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Đức N đã đủ yếu tố cấu thành tội: " Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại Khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015.

Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố Nguyễn Đức N ra tr- ớc Toà án hôm nay là đúng ng- ời, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét về hành vi mà bị cáo N đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền độc quyền của Nhà n- ớc về quản lý các chất gây nghiện, việc mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo đã bị nghiêm cấm, nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện, qua đó thể hiện sự xem thường pháp luật của bị cáo, do vậy phải có hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo, cách ly bị cáo với xã hội một thời gian nhất định, t- ơng xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt trong trại giam, để bị cáo có thời gian suy nghĩ, cải tạo tốt, trở thành một công dân có ích cho xã hội, nhằm giáo dục, cải tạo đối với bị cáo, mặt khác còn có tác dụng răn đe, cảnh tỉnh đối với các đối t- ợng khác là phù hợp với quy định tại Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát cũng nh- tại phiên toà hôm nay, bị cáo Nguyễn Đức N đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện. Bố bị cáo là người có công đã được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất. Do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có;

Về nhân thân: Bị cáo bị nghiện ma túy và đã bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc, bị cáo đã chấp hành xong năm 2011.

Bị cáo Nguyễn Đức N phạm tội về ma túy với mục đích thu lợi nhuận và bị truy tố theo Điều 251 BLHS, tại Khoản 5 Điều 251 BLHS có quyđịnh về hình phạt

tiền bổ xung. Bị cáo có điều kiện về kinh tế. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ xung: Phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp với quy định của Pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa về hình phạt đối với bị cáo N tại phiên tòa là có căn cứ.

Theo lời khai của bị cáo N về đối tượng bán ma túy cho bị cáo có tên là Ng. Cơ quan điều tra đã xác minh, nhưng không xác định được đối tượng tên là Ng có địa chỉ như N khai. Do vậy không đủ căn cứ để xử lý đối với đối tượng đã bán ma tuý cho N.

Đối với Nguyễn Văn Đ có hành vi mua trái phép ma tuý của N để sử dụng, số lượng ma tuý có khối lượng nhỏ. Bản thân Đ chưa có tiền án, tiền sự về tội tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma tuý. Trưởng Công an huyện H đã có quyết định xử phạt hành chính đối với Nguyễn Văn Đ là đúng quy định của Pháp luật.

Đối với số tiền 82.000.000 đồng thu giữ là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của chị Đỗ Thị M. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng và trả lại chị M số tiền trên là đúng quy định.

Đối với hành vi tàng trữ 02 (hai) khẩu súng tự chế của Nguyễn Đức N, đây không phải là vũ khí quân dụng, công cụ hỗ trợ theo quy định, do vậy Trưởng Công an huyện H đã ra quyết định xử phạt hành chính số 34 đối với N về hành vi này là đúng quy định của Pháp luật.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng quy định tại điểm a Khoản 1Điều 46; Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 02 phong bì thư đựng vật chứng đã niêm phong, có ký hiệu "QT" và "KX" có dấu giáp lai của Công an xã N S và dấu của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang, bên trong có chất ma túy Heroin;

Tịch thu tiêu hủy 02 khẩu súng tự chế có chiều dài 84 cm và 120cm bị thu giữ của N(Đã bị xử phạt hành chính về hành vi này, nhưng chưa xử lý vật chứng, do vậy Hội đồng xét xử xử lý trong vụ án này).

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động Nokia màu xám đã qua sử dụng. Số tiền 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng); 01 cân tiểu ly đang bị tạm giữ tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/4/2018.

Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng có trong hồ sơ vụ án là khách quan, phù hợp với nội dung vụ án.

Về án phí: Bị cáo N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Khoản 1, 4 Điều 331, Khoản 1, 3 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1 - Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức N phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy":

Áp dụng Khoản 1, Khoản 5 Điều 251; Điểm s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức N 02(Hai) năm, 06(Sáu) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ từ 08 giờ 45 phút ngày 04/01/2018 đến 16 giờ 20 phút ngày 12/01/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án;

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Đức N số tiền là 10.000.000đồng (Mười triệu đồng), để sung công quỹ Nhà nước.

2 – Về vật chứng: Áp dụng quy định tại điểm a Khoản 1Điều 46; Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 02 phong bì thư dựng vật chứng đã niêm phong, có ký hiệu "QT" và "KX" có dấu giáp lai của Công an xã Ngọc Sơn và dấu của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang, bên trong có chất ma túy Heroin;

Tịch thu tiêu hủy 02 khẩu súng tự chế có chiều dài 84 cm và 120cm bị thu giữ của N.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động Nokia màu xám đã qua sử dụng. Số tiền 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng); 01 cân tiểu ly đang bị tạm giữ tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/4/20183;

- Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Đức N phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm;

4 - Về quyền kháng cáo: Áp dụng Khoản 1, 4 Điều 331, Khoản 1, 3 Điều 333 Bộ luật tố tung hình sự:

Báo cho bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Báo người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án sơ thẩm.

Tr- ờng hợp bản án đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát ND H;
- Bị cáo;
- Chi cục T.H.A H;
- Công an H;
- L- u hồ sơ;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Công Hoan